TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HS-ST
Ngày: 19-11-2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Ngọc Dình.

2. Bà Huỳnh Thị Kim Ngọc.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy- Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tòng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-HS, ngày 06 tháng 11 năm 2020, đối với bị cáo:

Hồ Ngọc S, sinh ngày 10/10/1979, nơi sinh: Nghệ An. Nơi cư trú: Số 191/23/18 đường Huỳnh Châu Sổ, khu phố Xuân Hoà 2, phường 6, thành phố T, tỉnh L; Nghề nghiệp: Tiếp thị nước giải khát; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Văn Th và bà Trương Thị Q; Vợ: Bùi Thị L; Con: 01 người sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm: 1953. Cư trú tại: ấp Bình Thuỷ, xã B, huyện C, tỉnh L (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Cảnh Ph, sinh năm: 1982. Cư trú tại: Số 278 quốc lộ 62, khu phố 7, phường 2, thành phố T, tỉnh L (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 07/6/2020 Hồ Ngọc S là người tiếp thị nước giải khát, điều khiển xe mô tô biển số 52M2- 8617 đến nhà bà Phạm Thị Đ, ngụ ấp Bình Thủy, xã B, huyện C, tỉnh L phía trước có bán tiệm tạp hóa, S hỏi bà Đ có lấy nước giải khát để bán hay không thì bà Đ trả lời là không lấy do còn, bán chưa hết. S vào tiệm kêu bán một ly cà phê đá thì bà Đ đi vào phía bên trong nhà làm cà phê bán cho S. Lúc này, S phát hiện trên xe nước mía trước tiệm có để 01 (một) cái giỏ màu đen, biết bên trong giỏ có tiền, lúc này chỉ có một mình S tại đây nên S nảy sinh ý định trộm cắp cái giỏ của bà Đ để trên xe nước mía. S đi lại xe nước mía, dùng tay phải lấy giỏ giấu vào trong áo phía trước bụng, đồng thời cũng nhét giỏ vào trong lưng quần để không bị rớt. Lấy được tài sản S quay trở lại ghế ngồi chờ bà Đ đem cà phê ra uống. Khi bà Đ đem cà phê ra, S ngồi uống khoảng 10 phút thì trả tiền cà phê là 10.000 đồng và lấy xe chạy về hướng thành phố T. Chạy được một đoạn đến gần cây xăng thuộc xã B thì S rẻ vào đường nhựa cặp cây xăng, chạy khoảng 10m thì dừng lại, lấy cái giỏ trộm được ra kiểm tra. S mở ngăn kéo ở giữa thì thấy có tiền Việt Nam gồm: 07 tờ mệnh giá 100.000 đồng, 10 tờ mệnh giá 20.000 đồng, 01 cuộn card điện thoại di động có cột thun tròn có nhiều mệnh giá, mạng di động khác nhau. S lấy tiền và card ra bỏ vào túi áo; kiểm tra tiếp thì thấy có 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã cũ S không lấy ra mà để lại trong giỏ; tiếp tục kiểm tra ngăn thứ 2 thì thấy có 01 sắp tiền mệnh giá 2.000 đồng cột thun, S để số tiền lẻ lại trong giỏ rồi kẹp giỏ ở ba ga phía trước chạy đến chợ phường 2, thành phố T lấy số tiền 500.000 đồng trong túi áo ra mua đồ dùng cá nhân rồi tiếp tục chạy đến gần cuối đường Hùng Vương nối dài, rẻ phải một đoạn thì dừng xe lại, lấy số card điện thoại ra đếm được 168 cái gồm: card Việt Nam Mobile có mệnh giá 50.000 đồng là 10 cái, mệnh giá 20.000 đồng là 37 cái; card Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng là 28 cái, mệnh giá 50.000 đồng là 14 cái, mệnh giá 100.000 đồng là 10 cái; card Mobiphone có mệnh giá 20.000 đồng là 15 cái, mệnh giá 50.000 đồng là 18 cái, mệnh giá 100.000 đồng là 08 cái; Card Viettel có mệnh giá 20.000 đồng là 14 cái, mệnh giá 50.000 đồng là 08 cái, mệnh giá 100.000 đồng là 04 cái, mệnh giá 200.000 đồng là 02 cái. Đếm xong S ghi vào tờ giấy các loại card trên và rồi cuộn lại, cột thun bỏ vào túi áo. S lấy cái điện thoại trong giỏ bỏ vào túi áo; lấy sắp tiền có mệnh giá 2.000 đồng ra đếm được 30 tờ, tổng cộng được số tiền là 60.000 đồng bỏ số tiền này vào túi quần, tổng cộng số tiền trong giỏ là 960.000 đồng (Chín trăm sáu mươi ngàn đồng). Còn lại cái giỏ không S ném vào lùm cây ven đường và tiếp tục điều khiển xe chạy đến tiệm tạp hóa Ph do anh Nguyễn Cảnh Ph, ngụ số 278 quốc lộ 62, khu phố 7, phường 2, thành phố T, tỉnh L làm chủ và cũng là nơi S thường xuyên bỏ nước giải khát cho anh Ph. S vào tiệm nói với anh Ph là có chương trình khuyến mãi nên có Card điện thoại và anh Ph tưởng thật nên đồng ý mua lại 168 cái card điện thoại của S với số tiền là 6.462.000 đồng. Bán xong card điện thoại S chạy xe về nhà, sau đó sử dụng số tiền có được do trộm cắp tiêu xài vào việc cá nhân. Đến ngày 12/6/2020, S trở lại tiệm tạp hóa của bà Đ ghi nước giải khát, để bỏ cho bà Đ bán thì bị Cơ quan Công an mời làm việc. Qua làm việc tại Công an xã B, S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và nộp lại số tiền là 3.198.000 đồng, đây là số tiền còn lại do S trộm cắp mà có nên giao nộp lại cho Cơ quan Công an.

Tang vật tạm giữ gồm:

- Số tiền tạm giữ của S là 3.198.000 đồng, sau đó Sơn giao nộp thêm là 4.224.000 đồng, tổng cộng là 7.422.000 đồng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu honda, loại DH88, màu đỏ, biển số kiểm soát 52M2-8617 có số máy: DH88XE-1183858, số khung DH88XF-183851, tình trạng xe đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động Nokia màu đen, bên trong có gắn thẻ sim nhưng không rõ số sim, trên thân sim có chữ Vinaphone; số IMEI 1: 358340/05/767548/8, số IMEI 2: 358340/05/76754916 đã qua sử dụng.

- 168 card điện thoại di động gồm: card Việt Nam Mobile có mệnh giá 50.000 đồng là 10 cái, mệnh giá 20.000 đồng là 37 cái; card Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng là 28 cái, mệnh giá 50.000 đồng là 14 cái, mệnh giá 100.000 đồng là 10 cái; card Mobiphone có mệnh giá 20.000 đồng là 15 cái, mệnh giá 50.000 đồng là 18 cái, mệnh giá 100.000 đồng là 08 cái; Card Viettel có mệnh giá 20.000 đồng là 14 cái, mệnh giá 50.000 đồng là 08 cái, mệnh giá 100.000 đồng là 04 cái, mệnh giá 200.000 đồng là 02 cái.

- 01 đoạn video có thời lượng 40 phút 20 giây trích xuất tại Camera nhà của bà Phạm Thị Đ ghi lại hình ảnh của người thanh niên tên S trộm cắp tài sản của bà vào ngày 07/6/2020.

Ngày 09/7/2020 Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành có kết luận định giá tài sản số: 31/KL-HĐĐG, kết luận như sau: 01 điện thoại Nokia 301, màu đen, số IMEI 1: 358340/05/767548/8, số IMEI 2: 358340/05/76754916 đã qua sử dụng, có giá trị định giá là 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng).

Ngày 03/8/2020 Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành có kết luận định giá tài sản số: 30/KL-HĐĐG, kết luận: 168 card điện thoại có giá trị định giá như sau: Card Viettel: 02 cái mệnh giá 200.000 đồng, 04 cái mệnh giá 100.000 đồng, 08 cái mệnh giá 50.000 đồng, 14 cái mệnh giá 20.000 đồng, có tổng giá trị định giá là 1.480.000 đồng; Card Mobiphone: 08 cái mệnh giá 100.000 đồng, 18 cái mệnh giá 50.000 đồng, 15 cái mệnh giá 20.000 đồng, có tổng giá trị định giá là 2.000.000 đồng; Card Vinaphone: 10 cái mệnh giá 100.000 đồng, 14 cái mệnh giá 50.000 đồng, 28 cái mệnh giá 20.000 đồng, có tổng giá trị định giá là 2.260.000 đồng; Card Vietnam Mobile: 10 cái mệnh giá 50.000 đồng, 37 cái mệnh giá 20.000 đồng, có tổng giá trị định giá là 1.240.000 đồng. Tổng trị giá 168 card điện thoại di động có giá là 6.980.000 đồng (Sáu triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng).

Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp của bà Phạm Thị Đ là 8.040.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã giao trả lại cho các chủ sở hữu các tài sản gồm:

Trả cho bà Phạm Thị Đ: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen. Số tiền 960.000 đồng và 168 Card điện thoại gồm: Card Viettel: 02 cái mệnh giá 200.000 đồng, 04 cái mệnh giá 100.000 đồng, 08 cái mệnh giá 50.000 đồng, 14 cái mệnh giá 20.000 đồng; Card Mobiphone: 08 cái mệnh giá 100.000 đồng, 18 cái mệnh giá 50.000 đồng, 15 cái mệnh giá 20.000 đồn; Card Vinaphone: 10 cái mệnh giá

100.000 đồng, 14 cái mệnh giá 50.000 đồng, 28 cái mệnh giá 20.000 đồng; Card Vietnam Mobile: 10 cái mệnh giá 50.000 đồng, 37 cái mệnh giá 20.000 đồng

Trả cho anh trả lại cho anh Nguyễn Cảnh Ph số tiền là 6.462.000 đồng (số tiền anh Phong mua 168 cái Card của S).

Đối với 01(một) đoạn video có thời lượng 40 phút 20 giây trích xuất Camera do bà Đón giao nộp và được Cơ quan điều tra thu thập đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, nên được xem là một trong những chứng cứ để giải quyết vụ án, do đó được lưu theo hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 38/CT-VKSCT ngày 27 tháng 10 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố bị cáo Hồ Ngọc S về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Hồ Ngọc Sơn theo tội danh và điều luật nêu trên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 50; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hồ Ngọc S mức án từ 12 đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tiền và tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản tạm giữ: Tuyên giao trả cho bị cáo một xe mô tô nhãn hiệu honda, loại DH88, màu đỏ, biển số kiểm soát 52M2-8617.

Bị cáo xin xem xét giảm nhẹ mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, của Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với bà Phạm Thị Đ là người bị hại; ông Nguyễn Cảnh Ph là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, nhưng các đương sự đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự, theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Tại phiên toà bị cáo Hồ Ngọc S đã khai nhận: Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 07/6/2020 Hồ Ngọc S đến nhà bà Phạm Thị Đ, để ghi nước giải khát và giao hàng cho bà Đ bán lại nhưng bà không lấy. Lợi dụng sự mất cảnh giác của bà Đ, S đã lén lút lấy trộm một cái giỏ đựng tiền của bà Đ bên trong có số tiền

960.000 đồng, một điện thoại do động hiệu Nokia màu đen và 168 cái card điện thoại có nhiều mệnh giá khác nhau, Sau đó, S bán lại cho anh Nguyễn Cảnh Ph 168 card điện thoại được số tiền là 6.462.000 đồng. Tổng cộng số tài sản bên trong cái giỏ mà S chiếm đoạt của bà Đ có giá trị là 8.040.000 đồng (Tám triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng) để tiêu xài cá nhân. Đến ngày 12/6/2020 cơ quan Công an mời S làm việc, tại Công an xã B, S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và nộp lại số tiền là 3.198.000 đồng cho Cơ quan Công an.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đoạn video được trích xuất từ Camera tại nhà của bà Đ.

Điều 173 Bộ luật Hình sự, quy định tội: *Trộm cắp tài sản:*

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:..."

Do đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Hồ Ngọc S đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Xét thấy bị cáo Hồ Ngọc S là một thanh niên có tuổi đời còn trẻ, có công việc làm ổn định, nhưng lại có ý thức lười lao động, lòng tham lam muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ cho bản thân nên bị cáo đã lén lút lấy trộm của người bị hại một giỏ xách bên trong có tiền và tài sản có tổng giá trị theo định giá là 8.040.000 đồng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Do đó, để lập lại trật tự kỷ cương của pháp luật, cần tuyên cho bị cáo một hình phạt tương xứng thì mới đề cao tính nghiêm minh của pháp luật cũng như răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo có mẹ ruột là bà Trương Thị Quyền được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến, hạng ba "Đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước", bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, mới phạm tội lần đầu nên không cần thiết cách ly khỏi xã hội mà giao về cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị xử phạt bị cáo về tội danh và mức án trên là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn cảnh Ph mua số card điện thoại do bị cáo bán nhưng không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại đầy đủ số tiền và tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên không đặt ra xem xét.

Đối với cái giỏ xách màu đen của bà Đ, do không truy tìm lại được và bà Đ không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[4] Về tài sản tạm giữ: Quá trình điều tra đã tạm giữ của bị cáo 01 xe mô tô nhãn hiệu honda, loại DH88, màu đỏ, biển số kiểm soát 52M2-8617 có số máy: DH88XE-1183858, số khung DH88XF-183851, tình trạng xe đã qua sử dụng. Xét thấy xe mô tô này bị cáo sử dụng làm phương tiện đi tiếp thị nước giải khát, không sử dụng vào việc đi trộm cắp tài sản nên cần áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên giao trả lại cho bị cáo. Hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành đang quản lý.

[5] Về án phí: Bị cáo Hồ Ngọc S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Bị cáo Hồ Ngọc S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 50; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hồ Ngọc S **01 (một)** năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án (ngày 19/11/2020).

Giao bị cáo Hồ Ngọc S cho Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố T, tỉnh L giám sát, giáo dục.

Trường hợp bị cáo vắng mặt nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về tài sản tạm giữ: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên giao trả cho bị cáo Hồ Ngọc S 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu honda, loại DH88, màu đỏ, biển số kiểm soát 52M2-8617 có số máy: DH88XE-1183858, số khung DH88XF-183851, tình trạng xe đã qua sử dụng. Hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành đang quản lý, theo biên bản giao, nhận vật chứng vụ án, ngày 29/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- Về án phí: Bị cáo Hồ Ngọc S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt

được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
-Tòa án tỉnh;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
-Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
-Bị cáo;
-Đương sự;
-Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Văn Thái